

Bản án số: 239/2025/DS-PT  
Ngày: 05/8/2025  
V/v: tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ánh Bình

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Hồng Hà

Ông Đặng Văn Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2025/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình ( nay là Tòa án nhân dân khu vực 2) - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 191/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2025 giữa;

- *Nguyên đơn:* anh Võ Văn H, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp H, xã Q, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* chị Lê Thị Kiều O, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp F, xã S, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2024 nguyên đơn anh Võ Văn H trình bày:* anh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vào khoảng tháng 02 năm 2023 thông qua mạng xã hội anh quen biết chị Lê Thị Kiều O. Đến tháng 04 năm 2023 anh về Việt Nam hẹn gặp chị O, tháng 06 năm 2023 thì cả hai bàn bạc sống chung với nhau như vợ chồng tại nhà chị O, được cha mẹ hai bên chấp nhận, nhưng không có đăng ký kết hôn.

Từ ngày 05/6/2023 đến ngày 12/12/2023, nhiều lần anh H chuyển tiền cho chị Lê Thị Kiều O bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng A, số tài khoản 7303205435681 tên Võ Văn H chuyển qua số tài khoản 104005091275, Ngân hàng V tên Lê Thị Kiều O, và chi trả bằng tiền mặt để mua vật liệu xây dựng sửa chữa lại nhà chị O, mua điện thoại, các vật dụng sinh

hoạt với tổng số tiền 99.608.000đ, cụ thể anh H chuyển khoản cho chị O như sau:

- Ngày 26/7/2023 chuyển khoản: 4.000.000đ.
- Ngày 06/8/2023 chuyển khoản: 1.000.000đ
- Ngày 05/10/2023 chuyển khoản: 550.000đ
- Ngày 26/8/2023 chuyển khoản: 1.800.000đ
- Ngày 04/9/2023 chuyển khoản: 2.000.000đ
- Ngày 08/9/2023 chuyển khoản :780.000đ
- Ngày 18/9/2023 chuyển khoản : 20.000.000đ
- Ngày 23/9/2023 chuyển khoản: 1.300.000đ
- Ngày 05/10/2023 chuyển khoản: 500.000đ
- Ngày 25/10/2023 chuyển khoản:1.000.000đ
- Ngày 26/10/2023 chuyển khoản: 6.500.000đ
- Ngày 08/11/2023 chuyển khoản: 1.500.000đ
- Ngày 19/11/2023, chuyển khoản: 2.000.000đ
- Ngày 26/11/2023 chuyển khoản: 4.000.000đ
- Ngày 12/12/2023 chuyển khoản: 2.000.000đ

-Ngày 18/9/2023, anh thực hiện theo yêu cầu của chị O là chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Ngô Xuân T (chủ tiệm V1 ở ấp P xã S, huyện T tỉnh Vĩnh Long) mở tại Ngân hàng B qua số tài khoản: 73010001768047, số tiền 16.850.000đ (Mười sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), vì chị O có mua vàng tại đây mà thiếu tiền.

Ngoài ra, chị O còn trực tiếp nhận tiền mặt do anh đưa và nhờ anh thanh toán cho các cửa hàng mà chị O mua hàng, được thể hiện:

-Ngày 31/3/2023 anh H cho chị O vay tiêu dùng số tiền 72.000 Yên Nhật - đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm đó là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

-Ngày 16/7/2023 anh H cho chị O vay tiêu dùng số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền này anh H cho chị O mượn không làm giấy tờ, chỉ thỏa thuận bằng lời nói.

-Ngày 05/6/2023, chị O mượn thêm số tiền 2.236.000đ với hình thức là nhờ anh H trực tiếp thanh toán tiền mặt cho cửa hàng Q do ông Võ Văn H1 là người đại diện để mua vật tư.

-Ngày 05/6/2023 chị O mượn anh số tiền 3.410.000đ và ngày 06/6/2023 mượn anh 1.658.000đ, với hình thức là nhờ anh H thanh toán tiền mặt cho cửa hàng V2 do ông Chung Văn G là người đại diện để mua vật liệu xây dựng.

-Ngày 07/6/2023, chị O mượn anh H số tiền 3.831.000đ với hình thức là nhờ anh H thanh toán tiền mặt cho nhà máy T2 do cô Bùi Thị Thu Hồng T1 là người đại diện, để mua tole.

-Ngày 13/6/2023, chị O mượn anh H số tiền 390.000đ và ngày 14/6/2023, chị O mượn thêm số tiền 2.015.000đ với hình thức là nhờ anh H trực tiếp thanh toán tiền mặt cho cửa hàng V2 do ông Chung Văn G là người đại diện, để mua vật liệu xây dựng.

-Ngày 14/6/2023, chị O mượn anh H số tiền 1.843.000đ với hình thức nhờ trực tiếp thanh toán tiền mặt cho cửa hàng T3 cho ông Nguyễn Thành P – chủ cửa hàng, để mua tole

-Ngày 16/6/2023, chị O mượn anh H số tiền 921.000đ và ngày 16/6/2023 mượn thêm 1.024.000đ với hình thức nhờ trực tiếp thanh toán tiền mặt cho cửa hàng Đ do ông Phạm Văn G1 – chủ cửa hàng nhận để mua nước sơn và thiết bị điện.

Tổng cộng số tiền chị O thiếu của anh H là: 99.608.000đ (chín mươi chín triệu, sáu trăm lẻ tám ngàn đồng).

Nay anh Võ Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị Kiều O có nghĩa vụ trả lại số tiền đã vay thông qua hình thức chuyển khoản từ ngày 05/6/2023 đến ngày 12/12/2023 và nhiều lần chi trả bằng tiền mặt để mua vật liệu xây dựng, điện thoại, các vật dụng sinh hoạt tổng số tiền 99.608.000đ, không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn chị Lê Thị Kiều O trình bày:*

Chị thừa nhận chị và anh H sống chung với nhau như vợ chồng, sau khi cha mẹ hai bên gặp mặt nói chuyện thì chị và anh H bàn bạc sửa lại căn nhà của chị để ở, anh H có chuyển khoản cho chị số tiền 5.000.000đ vào tháng 6 năm 2023 để mua vật tư xây dựng, nhưng không đủ tiền nên chị có đưa tiền thêm cho anh H là 3.200.000đ để mua nước sơn sơn tường, ống nước và dây điện tại tiệm V3, tại thời điểm sửa chữa nhà chị hốt chân hụi loại hụi 1.000.000đ do chị tham gia được số tiền 18.000.000đ để mua vật dụng sinh hoạt trong nhà và mua thêm vật tư bổ sung để sửa chữa căn nhà cho hoàn chỉnh, cụ thể như sau:

- Ngày 05/6/2023, anh H chi trực tiếp số tiền 2.236.000đ cho cửa hàng Q do ông Võ Văn H1 là người đại diện để mua vật tư là do anh H tự nguyện mua, chị không có yêu cầu.

- Cùng ngày 05/6/2023, chị chi số tiền mặt cá nhân của chị là 3.410.000đ, nhưng nhờ anh H đem trả cho cửa hàng V2 do ông Chung Văn G là người đại diện để mua vật liệu xây dựng, là tiền của chị, không phải tiền của anh H.

- Ngày 06/6/2023, anh H tự nguyện chi số tiền 1.658.000đ thanh toán bằng tiền mặt cho cửa hàng V2 để mua vật liệu xây dựng, chị không có yêu cầu.

- Ngày 07/6/2023, anh H tự nguyện chi số tiền 3.831.000đ thanh toán cho nhà máy T2 do cô Bùi Thị Thu Hồng T1 là người đại diện để mua tole, chị không vay hay hỏi mượn anh H.

- Ngày 13/6/2023, chị chi số tiền 390.000đ nhờ anh H thanh toán tiền mặt cho cửa hàng V2 do ông Chung Văn G là người đại diện để mua vật liệu xây dựng.

- Ngày 14/6/2023, chị số tiền 2.015.000đ để trực tiếp thanh toán bằng tiền mặt cho cửa hàng V2 do ông Chung Văn G là người đại diện, để mua vật liệu xây dựng, số tiền này chị không nhớ ai chi ra.

- Ngày 14/6/2023, anh H tự nguyện chi số tiền 1.843.000đ trả trực tiếp bằng tiền mặt cho nhà máy T4 do cô Bùi Thị Thu Hồng T1 là người đại diện để mua tole.

- Ngày 16/6/2023, chị chi ra số tiền mặt 921.000đ nhờ anh H thanh toán cho cửa hàng T3 do ông Nguyễn Thành P là người đại diện để mua nước sơn.

- Ngày 16/6/2023, chị chi ra số tiền mặt 1.024.000đ nhờ anh H thanh toán bằng tiền mặt cho cửa hàng Đ do ông Phạm Văn G1 là người đại diện để mua thiết bị điện.

- Ngày 31/3/2023, anh H tặng chị 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, chị trả điện thoại lại anh H không nhận và quy ra số tiền 72.000 Yên Nhật - đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm này nhận là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).
- Chị có đưa anh H số tiền 3.500.000đ trả tiền trước mua máy giặt và tủ lạnh còn lại anh H trả góp mỗi tháng, chị không biết góp bao nhiêu tiền, do anh H trả góp.
- Đối với quà cáp như giày dép, quần áo, túi xách anh H mua tặng chị qua mạng xã hội, anh H chuyển khoản cho người ta số tiền khoảng 3.000.000đ.
- Ngày 06/8/2023, anh H có chuyển khoản cho chị 1.000.000đ mua giày dép, anh H tự nguyện cho chị.
- Ngày 09/8/2023, anh H tự nguyện chuyển cho chị số tiền 550.000đ mua máy quạt mini tặng cho con riêng của chị, chị không có yêu cầu.
- Ngày 26/8/2023, anh H chuyển khoản tặng chị mua quần áo 1.000.000đ.
- Ngày 4/9/2023, anh H tự nguyện chuyển khoản cho chị 2.000.000đ kêu mua vòi sen, gấn máy nước nóng lạnh, lúc này anh H đang ở N không có ở Việt Nam.
- Ngày 08/9/2024, anh H tự mua đồ trên mạng xã hội, shipper giao cho chị các vật dụng gồm giày dép, nhưng anh H tự nguyện chị không yêu cầu, anh H chuyển khoản cho chị số tiền 780.000đ trả cho shipper.
- Ngày 18/9/2023, anh H từ bên N chuyển khoản số tiền 20.000.000đ tặng chị đi khám bệnh tại Bệnh Viện H2 và Bệnh viện S tại thành Phố Cần Thơ, do trước đó bệnh viện C có khối u tử cung.
- Ngày 18/9/2023, anh H điện thoại về kêu chị đến tiệm V1 tại cầu B, thuộc xã S, huyện T để mua vàng cho chị làm trang sức, ra tới tiệm vàng điện thoại video cho anh H thấy vàng, sau khi chọn xong báo giá và anh H yêu cầu xin số tài khoản của chủ tiệm vàng để chuyển khoản trực tiếp cho chủ tiệm vàng số tiền 16.850.000đ. Lý do anh H kêu chị mua vàng trang sức 17K cho chị đeo, là do trước khi về sống chung với anh H chị có đeo đôi hoa tai và sợi dây chuyền, chị bán lấy tiền chi tiêu sinh hoạt ăn uống hàng ngày cho hai người, tại thời điểm đó anh H đang sống chung với chị ở Việt Nam, anh H hết tiền, lương của chị đã bù vào sửa chữa nhà nên không đủ chi tiêu, anh H nói sau này anh H sẽ mua lại nữ trang cho đeo.
- Ngày 23/9/2023, chị không nhớ do anh H chuyển khoản bao nhiêu tiền về mua đồ trên mạng.
- Ngày 05/10/2023, anh H chuyển khoản cho chị số tiền 500.000đ để trả tiền mua tai nghe phone điện thoại, kêu chị trả tiền cho shipper.
- Ngày 25/10/2023, anh H chuyển khoản số tiền 1.000.000đ trả tiền shipper mua đồ, không nhớ cụ thể.
- Ngày 26/10/2023, anh H chuyển khoản cho chị số tiền 6.500.000đ, là tiền anh H chuyển trả chị số tiền này để đóng chân hụi chết 1.000.000đ do chị hốt được 18.000.000đ để mua vật dụng hai người cùng sử dụng trong nhà.
- Ngày 08/11/2023, anh H chuyển khoản cho chị 1.500.000đ mua quần áo.
- Ngày 19/11/2021, chị và anh H xảy ra mâu thuẫn, do anh H ghen tuông nên anh H kêu người nhà lên nhà chị chở vật dụng trong nhà hết, sau đó anh H tiếp tục chuyển khoản cho chị 2.000.000đ để mua vật dụng xài đỡ, và anh H xin lỗi

chị quay lại sống với anh H và hứa tuần sau kêu người nhà anh H chở vật dụng trả lại cho chị.

- Ngày 26/11/2011, anh H tự nguyện chuyển số tiền 4.000.000đ tặng chị để làm hòa lại, số tiền này chị không nhớ đã sử dụng vào mục đích gì.

- Ngày 12/12/2023, anh H chuyển khoản cho chị số tiền 2.000.000đ để mua quần áo tặng chị.

Sau đó chị và anh H xảy ra mâu thuẫn, do anh H có nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác nên chị yêu cầu chia tay anh H. Đến ngày 26/02/2024, anh H nhắn tin đòi hết các khoản tiền từ trước đến nay anh chuyển khoản cho chị, chị không đồng ý vì các khoản tiền anh H tự nguyện chuyển mua vật dụng trong nhà hai người sử dụng và các khoản mua sắm quần áo giày dép là do anh H tặng chị, chị không đòi hỏi. Đồng thời khi hai người chung sống với nhau chị cũng đã sử dụng tiền của chị để chi phí sinh hoạt hàng ngày khi anh H sống cùng chị tại Việt Nam, tuy nhiên chị không yêu cầu anh H trả lại do sống chung là tự nguyện không ai ép buộc ai. Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh H.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2)- Vĩnh Long quyết định:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn H. Buộc bị đơn chị Lê Thị Kiều O có nghĩa vụ trả anh Võ Văn H số tiền 16.828.000đ (Mười sáu triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 03/4/2025 anh Võ Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: buộc chị O trả cho anh H số tiền 15 lần anh chuyển khoản là 48.930.000đ, số tiền anh H chuyển khoản cho chủ tiệm V1 là 16.850.000đ và số tiền anh H mua điện thoại Iphone cho chị O là 10.000.000đ, tổng cộng là 75.780.000đ.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Anh Võ Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu chị O trả số tiền 75.780.000đ

Bị đơn chị Lê Thị Kiều O không đồng ý toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh H, thống nhất với bản án sơ thẩm.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:*

*Về thủ tục tố tụng:* việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Võ Văn H, giữ nguyên án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: buộc anh H phải chịu 300.000đ

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

*Về tố tụng:* ngày 28/3/2025, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên án, ngày 03/4/2025 anh Võ Văn H kháng cáo. Đơn kháng cáo của anh Võ Văn H còn trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*Về nội dung:* xét kháng cáo của anh Võ Văn H;

[1] Anh Võ Văn H và chị Lê Thị Kiều O tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2023, được gia đình hai bên chấp thuận, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Anh H và chị O bàn bạc cùng nhau sửa chữa nhà của chị O để hai người sống chung. Trong thời gian tìm hiểu và sau khi chung sống anh H có chuyển tiền vào tài khoản của chị O 15 lần với số tiền là 48.930.000đ và anh H có chuyển khoản cho chủ tiệm V1 số tiền 16.850.000đ để mua vàng trang sức cho chị O đeo, ngoài ra anh H thừa nhận là anh mua điện thoại Iphone từ Nhật Bản về tặng cho chị O, giá trị điện thoại là 10.000.000đ. Sau một thời gian sống chung giữa anh H và chị O xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau nữa nên anh H khởi kiện đòi lại tất cả số tiền mà anh H đã chuyển khoản, tiền mua vàng và tiền mua điện thoại cho chị O.

Xét thấy: việc anh H và chị O sống chung với nhau như vợ chồng là sự tự nguyện của hai bên, không có ai ép buộc. Các khoản tiền anh Võ Văn H nhiều lần chuyển khoản cho chị O thể hiện tại các bản sao kê của Ngân hàng “vay tiêu dùng”, việc ghi vay tiêu dùng này là do khi chuyển tiền anh H tự ghi, giữa chị O và anh H không có thỏa thuận là chị O vay tiền của anh H. Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận việc anh H chuyển tiền cho chị O là trên cơ sở tự nguyện của anh H, không có sự thỏa thuận giữa các bên về số lần chuyển tiền, số tiền vay, mượn, lãi suất và thời hạn trả, cũng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện chị O yêu cầu anh H phải chuyển tiền cho chị O. Do đó không có căn cứ chấp nhận của anh H đòi chị O phải trả số tiền 15 lần chuyển khoản là 48.930.000đ.

[2] Xét số tiền anh H chuyển khoản cho chủ tiệm V1 16.850.000đ, tại phiên tòa anh H thừa nhận anh tự nguyện mua nữ trang cho chị O sử dụng, chị O không ép buộc anh H mua. Đối với điện thoại Iphone, trị giá 10.000.000đ anh H thừa nhận mua từ Nhật Bản đem về tặng chị O. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chị O hỏi vay mượn tiền của anh H hoặc chị O buộc anh H phải tặng cho chị O tài sản. Chị O không phải là người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật mà do anh H tự nguyện tặng cho chị O. Do đó anh H kiện chị O đòi lại tài sản không thỏa mãn quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự 2015. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của anh H về việc đòi chị O đối với số tiền trên là có căn cứ, đúng quy định.

Anh Võ Văn H kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Văn H. Giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí là 300.000đ theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Võ Văn H;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ( nay là Tòa án nhân dân khu vực 2) - Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn H.

1. Buộc bị đơn chị Lê Thị Kiều O có nghĩa vụ trả anh Võ Văn H số tiền 16.828.000đ (Mười sáu triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Võ Văn H phải chịu 4.139.000đ (Bốn triệu một trăm ba mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 2.491.000 (Hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014605 ngày 07/11/2024, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình ( nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 2) – Vĩnh Long. Buộc anh Võ Văn H tiếp tục nộp số tiền 1.648.000đ (Một triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Buộc bị đơn chị Lê Thị Kiều O phải chịu 841.000đ (Tám trăm bốn mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc anh Võ Văn H phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0002149 ngày 03/4/2025 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình ( nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 2) - Vĩnh Long. Anh H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND khu vực 2;
- Phòng THADS khu vực 2;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Đặng Thị Ánh Bình**